

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/HSST
Ngày 27 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**

2. Bà **Nguyễn Thị C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Văn K** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Văn Trọng B, sinh năm 1971 tại huyện T, tỉnh B;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh G;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Con ông Văn T (đã chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1933; vợ: Lê Thị T, sinh năm: 1969; có 02 con sinh năm 1998 và 2000;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/6/2017 cho đến nay tại nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đ, có mặt.

** Người bị hại:*

Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Phạm Vũ T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

+ Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 13 giờ ngày 16/6/2017, Văn Trọng B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81N5-7215 từ nhà ông Nguyễn Kế T thuộc Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G đến tiệm tạp hóa của anh Phạm Vũ T thuộc Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G để mua nước uống. Khi đi đến tiệm tạp hóa, B gọi người để mua nước uống nhưng không thấy ai trả lời nên B đi thẳng vào trong nhà để gọi. Khi B đi đến phòng ngủ cạnh phòng bán tạp hóa thì phát hiện 01 máy điện thoại di động hiệu Iphone 6S của chị Nguyễn Thị L là vợ anh T để ở trên giường. Thấy không có người trông coi, B nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại trên. B đi vào phòng ngủ lấy chiếc điện thoại rồi đi ra chỗ để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N5-7215 bỏ điện thoại vào cốp xe. Lúc này, chị Nguyễn Thị L đi về nhà thấy B thì hỏi B mua gì, B nói mua 01 chai nước suối loại 1,5 lít thì chị L bán cho B. B mua nước xong thì tiếp tục điều khiển xe về làm cảnh cà phê cho nhà ông T.

Sau khi B đi khỏi quán thì chị L phát hiện mất chiếc điện thoại di động nên đã trình báo cho Công an xã H và Công an huyện Đ, tỉnh G. Máy điện thoại của chị L có đặt chế độ định vị truy tìm máy, nhưng khi Văn Trọng B lấy trộm đã tắt nguồn điện thoại. Đến ngày 18/6/2017, Văn Trọng B từ xã H, huyện Đ đi về xã I, huyện C, tỉnh G. Trên đường đi B đã mở nguồn chiếc điện thoại lấy trộm của chị L nên gia đình chị L phát hiện được vị trí của chiếc điện thoại và báo với Công an huyện Đ. Khi B đi đến đoạn đường thuộc xã A, TP P, tỉnh G thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt và thu giữ trong người B chiếc điện thoại là vật chứng vụ án.

Theo Kết luận định giá tài sản số 38/ĐG-HĐ ngày 23/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định chiếc điện thoại Iphone 6S mà B chiếm đoạt có giá trị: 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 39/CTr-VKS, ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Văn Trọng B về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Trọng B theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 06 đến 08 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (18/6/2017).

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

“ Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình, lao động chính đáng để chăm lo cho gia đình”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Văn Trọng B phạm tội như sau: Vì muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu lợi ích cá nhân nên vào ngày 16/6/2017, bị cáo Văn Trọng B đã lén lút trộm cắp của chị Nguyễn Thị L 01 máy điện thoại di động hiệu Iphone 6S trị giá 8.400.000 đồng.

Hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo

Về vật chứng vụ án:

+ 01 Xe mô tô biển kiểm soát 81N5 - 7215 mà B sử dụng, qua điều tra xác định bà Lê Thị Triều là chủ sở hợp pháp. Bà Triều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6S thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Lành nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chị Lành là phù hợp theo quy định của Pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Văn Trọng B** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Văn Trọng B** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (18/6/2017).

3. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Văn Trọng B phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2017), bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H